BỘ TÀI CHÍNH – BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 80/2016/TTLT-BTC-BTTTT	*Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2094
ĐẾN Ngày: 28/6/16
Chuyển: PVC-CNTT

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc áp dụng Cơ chế một cửa quốc gia để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này đối với các nội dung sau:

1. Quy định về việc khai và tiếp nhận thông tin khai, xử lý và phản hồi kết quả thực hiện thủ tục hành chính bằng phương thức điện tử; các tiêu chí, định dạng của chứng từ điện tử được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa.

2. Quy định về cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa giữa Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Những vấn đề khác liên quan tới các thủ tục hành chính một cửa được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc hoặc được chỉ định của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông xử lý, cấp phép các thủ tục hành chính một cửa quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu lựa chọn phương thức thực hiện các thủ tục hành chính một cửa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. ***Cổng thông tin một cửa quốc gia*** theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP là một hệ thống thông tin tích hợp bao gồm hệ thống thông quan của cơ quan hải quan, hệ thống thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi là các hệ thống xử lý chuyên ngành).

2. ***Cơ quan xử lý thủ tục hành chính một cửa*** (sau đây gọi là cơ quan xử lý) là cơ quan, đơn vị thuộc hoặc được chỉ định của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông có chức năng xử lý, cấp phép đối với các thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

3. ***Hồ sơ hành chính một cửa*** gồm các chứng từ điện tử, tài liệu kèm theo theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đối với từng thủ tục hành chính dưới các hình thức: Chứng từ điện tử chuyển đổi từ chứng từ giấy, chứng từ giấy.

4. ***Chứng từ điện tử*** là thông tin khai, kết quả xử lý, thông báo được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa.

5. ***Người khai*** là tổ chức hoặc cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính một cửa theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

6. ***Người sử dụng hệ thống*** là các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch này được phép truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia.

7. ***Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia*** là Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính.

Điều 4. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia

1. Các thủ tục hành chính một cửa và việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Người khai, các cơ quan xử lý gửi thông tin về thủ tục hành chính một cửa tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận và chuyển tiếp thông tin đến các hệ thống xử lý chuyên ngành;

c) Các cơ quan xử lý tiếp nhận, xử lý thông tin, phản hồi trạng thái tiếp nhận, xử lý, trả kết quả xử lý tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi trạng thái tiếp nhận, xử lý, trả kết quả xử lý thông tin tới người khai và hệ thống xử lý chuyên ngành có liên quan.

2. Việc ra quyết định trên Cơ chế một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan có trách nhiệm quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông xử lý cấp phép đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và gửi giấy phép hoặc kết quả xử lý khác tới cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cơ quan hải quan ra quyết định cuối cùng về việc thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở giấy phép và các kết quả xử lý của cơ quan xử lý được chuyển tới hệ thống thông quan của cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 5. Các giao dịch điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia

Các giao dịch điện tử trên Cơ chế một cửa quốc gia (sau đây gọi là các giao dịch điện tử) bao gồm:

1. Khai, nhận, phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Tiếp nhận và chuyển thông tin khai từ Cổng thông tin một cửa quốc gia tới các hệ thống xử lý chuyên ngành.

3. Nhận kết quả xử lý từ các hệ thống xử lý chuyên ngành tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Trao đổi thông tin giữa các hệ thống xử lý chuyên ngành thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 6. Hồ sơ hành chính một cửa

1. Các loại chứng từ điện tử:

a) Thông tin khai dưới các hình thức: Tờ khai, đơn đăng ký, đăng ký, xác nhận đăng ký hoặc loại khác để thực hiện thủ tục hành chính trong danh mục các thủ tục hành chính một cửa;

b) Kết quả xử lý của cơ quan xử lý dưới các hình thức: Quyết định thông quan, giải phóng hàng hoặc đưa hàng hóa về bảo quản, giấy phép, xác nhận hoặc kết quả xử lý khác tương ứng với thủ tục hành chính trong danh mục các chứng từ điện tử quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

c) Thông báo chấp nhận hoặc từ chối hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin khai trên Cơ chế một cửa quốc gia.

2. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử:

a) Chứng từ điện tử có giá trị như chứng từ giấy;

b) Đối với các thủ tục hành chính một cửa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này, chứng từ điện tử phải được lập theo đúng tiêu chí, định dạng mẫu;

c) Việc gửi, nhận, lưu trữ và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử được thực hiện theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Chứng từ điện tử phải đáp ứng đủ các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa;

đ) Chứng từ điện tử phải có chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa trong trường hợp người khai đăng ký sử dụng chữ ký số;

e) Việc tạo lập, chuyển đổi chứng từ điện tử từ chứng từ giấy và ngược lại được thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

3. Chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch này và đáp ứng theo tiêu chí, định dạng do Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa.

4. Chứng từ giấy: Hình thức, nội dung, phương thức nộp, xuất trình của các chứng từ giấy trong hồ sơ hành chính một cửa tuân thủ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đối với thủ tục hành chính đó.

Điều 7. Chứng từ điện tử, chuyển đổi chứng từ giấy sang chứng từ điện tử và ngược lại

1. Chứng từ điện tử được khai báo hoặc xuất trình với các cơ quan quản lý nhà nước theo Cơ chế một cửa quốc gia có thể được chuyển đổi từ chứng từ giấy nếu đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ giấy;

b) Có chữ ký số đã đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia của người khai trên chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy.

2. Chứng từ giấy có thể được chuyển đổi từ chứng từ điện tử được cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia nếu đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ điện tử;

b) Có dấu hiệu nhận biết trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử được in ra từ Cổng thông tin một cửa quốc gia. Dấu hiệu nhận biết gồm các thông tin thể hiện chứng từ đã được ký số bởi cơ quan cấp phép hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia, tên và địa chỉ email và/hoặc điện thoại liên hệ của cơ quan ký, thời gian ký số. Dấu hiệu nhận biết do Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia công bố tại địa chỉ: https://vnsw.gov.vn.

c) Có chữ ký, họ tên và con dấu hợp pháp của người khai trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử.

3. Chứng từ điện tử có giá trị để làm thủ tục với các cơ quan quản lý nhà nước như chính chứng từ đó thể hiện ở dạng văn bản giấy.

4. Người khai phải lưu giữ chứng từ điện tử và chứng từ giấy theo quy định.

Điều 8. Đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Trường hợp người khai đã được Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp tài khoản truy cập các hệ thống xử lý chuyên ngành hiện có thì người khai lựa chọn sử dụng một trong các tài khoản đó để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia. Để sử dụng tài khoản truy cập, người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn và thực hiện đăng ký tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các thông tin tại Mẫu I, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia chịu trách nhiệm hướng dẫn người khai về việc sử dụng tài khoản đã đăng ký để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp có vướng mắc phát sinh.

2. Trường hợp người khai chưa có tài khoản người sử dụng do các Bộ cấp, việc đăng ký tài khoản người sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia sẽ được thực hiện như sau:

a) Người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn và thực hiện đăng ký thông tin hồ sơ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các thông tin tại Mẫu II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc từ khi tiếp nhận thông tin hồ sơ người khai đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin của người khai. Trường hợp không chấp thuận hồ sơ hoặc hồ sơ chưa đầy đủ, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm thông báo qua thư điện tử (có nêu rõ lý do) tới người khai. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đáp ứng đủ điều kiện, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thông báo chấp nhận hồ sơ cho người khai bằng thư điện tử; thông báo tên tài khoản truy cập và mật khẩu truy cập ban đầu của người khai;

b) Sau khi cấp mới tài khoản người khai, Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện tự động cập nhật thông tin tài khoản người khai mới tới các hệ thống xử lý chuyên ngành tương ứng.

3. Trường hợp, người sử dụng là cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông việc cấp tài khoản người sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp danh sách tài khoản người sử dụng cần cấp mới trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, nêu rõ họ tên, chức danh, đơn vị công tác, quyền hạn sử dụng các chức năng thuộc Bộ quản lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo mẫu do Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia cung cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và gửi văn bản thông báo đến Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia căn cứ các yêu cầu kỹ thuật nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thực hiện xem xét số lượng tài khoản do Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu cấp, cấp tài khoản người sử dụng và thông báo bằng văn

bản về tên truy cập, mật khẩu mặc định đến Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông. Trường hợp số lượng tài khoản cấp mới ít hơn số lượng Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia cần nêu rõ lý do trong văn bản thông báo gửi Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH VỀ CỔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

Điều 9. Nguyên tắc hoạt động của Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh đối với các giao dịch điện tử được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và kịp thời của các giao dịch điện tử được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 10. Các chức năng của Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Tiếp nhận chứng từ điện tử và các thông tin có liên quan, xác thực chữ ký số của người khai và các cơ quan xử lý gửi tới.

2. Chuyển chứng từ điện tử, thông tin khác của người khai đến hệ thống xử lý chuyên ngành (bao gồm cả chữ ký số trong trường hợp người khai sử dụng chữ ký số) đồng thời lưu trữ thông tin từ người khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia nhằm mục đích tra cứu, thống kê.

3. Tiếp nhận kết quả xử lý và thông báo từ hệ thống xử lý chuyên ngành.

4. Trả các chứng từ điện tử cho người khai (bao gồm cả chữ ký số trong trường hợp các hệ thống xử lý chuyên ngành sử dụng chữ ký số).

5. Phản hồi kết quả xử lý của các Bộ tới các hệ thống xử lý chuyên ngành có liên quan.

6. Lưu trữ trạng thái của các giao dịch điện tử được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, lưu trữ các chứng từ điện tử.

7. Cung cấp một số chức năng báo cáo, thống kê số liệu theo yêu cầu từ các cơ quan xử lý và người khai.

Điều 11. Thẩm quyền và mức độ truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Các đối tượng được truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này;

b) Cơ quan hải quan, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước không thuộc điểm b khoản này khai thác thông tin từ Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Mức độ và thẩm quyền truy cập:

a) Các tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia để khai thông tin, nhận phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính một cửa, nhận chứng từ hành chính một cửa, kết quả xử lý khác đối với thủ tục hành chính một cửa và tra cứu các thông tin được công bố trên Cổng thông tin hải quan một cửa quốc gia;

b) Các đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều này được truy cập vào Cổng thông tin một cửa để tiếp nhận thông tin, xử lý và trả kết quả xử lý dưới hình thức chứng từ hành chính một cửa hoặc kết quả xử lý khác đối với thủ tục hành chính một cửa, nhận chứng từ hành chính một cửa, kết quả xử lý khác của các cơ quan có liên quan;

c) Các đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều này được quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Sử dụng chữ ký số để thực hiện thủ tục hành chính một cửa

Trong trường hợp người khai sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai phải tuân thủ các quy định sau:

1. Chữ ký số của người khai sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa là chữ ký số công cộng cấp cho tổ chức, đã đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia và được xác nhận tương thích với hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Việc sử dụng chữ ký số và giá trị pháp lý của chữ ký số thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

3. Trước khi sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa, người sử dụng phải đăng ký chữ ký số với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thông tin về chữ ký số có thể được đăng ký ngay khi người khai thực hiện thủ tục xin cấp tài khoản người sử dụng. Trường hợp người khai đã có tài khoản người sử dụng nhưng chưa đăng ký thông tin chữ ký số hoặc đăng ký thêm chữ ký số khác, người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia bằng tài khoản đã đăng ký, nhập đầy đủ các nội dung sau:

a) Tên, mã số thuế của cơ quan, tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, chức danh (nếu có) của người được cấp chứng thư số;

c) Số hiệu của chứng thư số (Serial Number);

d) Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số.

4. Người khai phải đăng ký lại với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia các thông tin nêu tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau: Các thông tin đã đăng ký có sự thay đổi, gia hạn chứng thư số, thay đổi cặp khóa, tạm dừng chứng thư số. Việc đăng ký lại các thông tin nêu tại khoản 3 Điều này được thực hiện như đăng ký mới.

5. Trường hợp người khai đã đăng ký sử dụng nhiều chữ ký số với các hệ thống xử lý chuyên ngành, người khai có quyền lựa chọn sử dụng một trong các chữ ký số đang sử dụng.

Điều 13. Trách nhiệm của Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Quản lý kỹ thuật, vận hành, bảo trì, nâng cấp các hệ thống phần cứng, hệ thống mạng, hệ thống an ninh an toàn phục vụ cho vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia, kết nối với các hệ thống xử lý chuyên ngành và kết nối với người sử dụng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ: https://vnsw.gov.vn.

2. Quản lý, vận hành, bảo trì và nâng cấp hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

3. Quản lý và cấp tài khoản cho người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Đảm bảo điều kiện của Cổng thông tin một cửa quốc gia để kết nối liên tục với hệ thống xử lý chuyên ngành. Đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin hoạt động liên tục theo thời gian 24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần.

5. Thông báo đến các cơ quan xử lý chuyên ngành về phương án thực hiện các thủ tục và thời gian khắc phục sự cố trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố.

6. Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật đối với các hệ thống xử lý chuyên ngành và người khai khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Đảm bảo điều kiện kỹ thuật của hệ thống xử lý chuyên ngành để kết nối liên tục với Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Quản lý kỹ thuật, vận hành, bảo trì, nâng cấp các hệ thống xử lý chuyên ngành.

3. Đồng bộ các danh mục dữ liệu, bảng mã liên quan giữa hệ thống xử lý chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của mình với Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp các danh mục dữ liệu, bảng mã này phát sinh yêu cầu cần phải đồng bộ để đảm bảo cho sự vận hành đúng đắn của hệ thống.

4. Xây dựng tiêu chí thông tin, định dạng mẫu của các chứng từ điện tử thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Chủ trì xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý của mình.

6. Trong trường hợp hệ thống xử lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông có sự cố, thông báo đến Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia về phương án thực hiện các thủ tục và thời gian khắc phục sự cố.

7. Thông báo địa chỉ thư điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông, tên đơn vị tiếp nhận thông tin, số điện thoại với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia để nhận các thông tin, thông báo trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc các trường hợp cần thiết khác. Quản lý hộp thư điện tử nhằm tiếp nhận thông tin sự cố và đưa ra các phương án xử lý kịp thời.

Điều 15. Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu

1. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu của các giao dịch được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Việc bảo quản, sao lưu dữ liệu được thực hiện tại các hệ thống xử lý chuyên ngành. Bộ Thông tin và Truyền thông kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin được gửi tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm áp dụng các biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cần thiết để bảo mật Cổng thông tin một cửa quốc gia, bảo đảm sự chia sẻ thông tin, dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được quy định tại Thông tư liên tịch này.

3. Người sử dụng chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin, dữ liệu cung cấp tới Cổng thông tin một cửa quốc gia phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính đó.

Điều 16. Xử lý sự cố

Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia xảy ra sự cố hoặc có lỗi không thể trao đổi, cung cấp thông tin dưới hình thức điện tử:

1. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thông báo ngay cho người khai và các cơ quan có liên quan bằng hình thức phù hợp và thư điện tử theo địa chỉ đã thông báo với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Thông tư liên tịch này.

2. Trên cơ sở thông báo của Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều này, các cơ quan xử lý có hướng dẫn cho người khai bằng văn bản hoặc qua thư điện tử theo địa chỉ đăng ký trong thông tin người khai để hoàn thành các thủ tục đang được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Trong thời gian khắc phục sự cố, các thủ tục hành chính được thực hiện theo các phương thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III
QUY TRÌNH KHAI, TIẾP NHẬN, TRAO ĐỔI VÀ PHẢN HỒI THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

Điều 17. Người khai, quyền và nghĩa vụ của người khai

1. Người khai theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư liên tịch này gồm:

a) Người khai hải quan theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

b) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện; nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

2. Người khai có các quyền sau đây:

a) Được Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia và cơ quan xử lý hỗ trợ đào tạo sử dụng, cung cấp các thông tin cần thiết để truy cập, khai thông tin và sử dụng các tiện ích trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Được Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia và cơ quan xử lý bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ thông tin khai;

c) Được cơ quan xử lý cung cấp thông tin về quá trình xử lý hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính một cửa;

3. Người khai có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chí, định dạng của thông tin khai theo yêu cầu đối với từng thủ tục hành chính một cửa;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về chữ ký số đối với những giao dịch điện tử yêu cầu sử dụng chữ ký số;

c) Nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ các quy trình bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn và bí mật trong việc thực hiện các thủ tục hành chính một cửa;

đ) Lưu giữ chứng từ hành chính một cửa (bao gồm cả bản sao) theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; cung cấp các chứng từ điện tử và/hoặc chứng từ giấy có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho các cơ quan xử lý để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền;

e) Đáp ứng các yêu cầu về công nghệ thông tin và kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã khai khi thực hiện các thủ tục hành chính một cửa.

Điều 18. Khai, sửa đổi, bổ sung thông tin khai và nộp các chứng từ trong hồ sơ hành chính một cửa

1. Việc khai và sửa đổi, bổ sung thông tin khai có thể được thực hiện theo một trong hai hình thức tạo lập thông tin khai điện tử sau:

a) Tạo lập thông tin khai theo các tiêu chí, định dạng mẫu do Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, theo chuẩn dữ liệu do Đơn vị quản lý

Cổng thông tin một cửa quốc gia hướng dẫn và gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Việc sửa đổi, bổ sung thông tin khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về các thủ tục có liên quan.

3. Nộp các chứng từ trong hồ sơ hành chính một cửa:

a) Đối với chứng từ điện tử, chứng từ giấy chuyển sang chứng từ điện tử: Người khai nộp chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Đối với chứng từ giấy: Người khai nộp chứng từ giấy theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 19. Tiếp nhận và phản hồi thông tin khai

1. Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai điện tử theo thời gian 24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần.

2. Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện việc tiếp nhận và phản hồi thông tin khai theo chế độ tự động tới người khai và tới các hệ thống xử lý chuyên ngành.

Điều 20. Xử lý thông tin và phản hồi kết quả xử lý

Cơ quan xử lý có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận và xử lý thông tin khai.

2. Phản hồi trạng thái tiếp nhận, xử lý thông tin khai tới người khai và các cơ quan liên quan tới việc thực hiện thủ tục thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Trả kết quả xử lý tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Thời hạn xử lý và phản hồi thông tin của cơ quan xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các thủ tục hành chính tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

Điều 21. Quy trình trao đổi thông tin qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai và gửi sang hệ thống xử lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Hệ thống xử lý chuyên ngành kiểm tra tính đầy đủ và toàn vẹn dữ liệu của thông tin khai, phản hồi trạng thái tiếp nhận tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Trường hợp hệ thống xử lý chuyên ngành tiếp nhận thành công thông tin khai, cơ quan xử lý kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của thông tin khai, phản hồi

thông tin chấp nhận hoặc không chấp nhận hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin khai tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Trường hợp cơ quan xử lý chấp nhận thông tin khai, cơ quan xử lý giải quyết hồ sơ hành chính một cửa, phản hồi kết quả xử lý tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. Cổng thông tin một cửa quốc gia nhận kết quả xử lý từ các hệ thống xử lý chuyên ngành, trả kết quả xử lý tới người khai và các hệ thống xử lý chuyên ngành có liên quan.

6. Cơ quan hải quan căn cứ trên các thông tin khai, giấy phép, các kết quả xử lý khác đối với thủ tục hành chính một cửa do người khai và các hệ thống xử lý chuyên ngành chuyển tới để xử lý hồ sơ hải quan của người khai hải quan và trả kết quả xử lý tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

7. Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi kết quả xử lý của cơ quan hải quan cho người khai ngay sau khi nhận được kết quả xử lý của cơ quan hải quan.

8. Cổng thông tin một cửa quốc gia cung cấp tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan cho các cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan trong trường hợp thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý chuyên ngành có yêu cầu nộp tờ khai hải quan hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành có yêu cầu cung cấp tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan liên quan đến các thủ tục của cơ quan quản lý.

CHƯƠNG IV
CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỘT CỬA

Điều 22. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp thông tin

1. Việc trao đổi, cung cấp thông tin phải thực hiện theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên.

2. Thông tin được trao đổi, cung cấp phải sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận thông tin.

3. Các bên trao đổi, cung cấp thông tin có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ.

4. Các bên trao đổi, cung cấp, quản lý và sử dụng thông tin theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định về bảo mật thuộc chuyên ngành quản lý của các Bộ.

5. Thông tin được trao đổi, cung cấp giữa các bên ngang cấp; trường hợp cần thiết có thể trao đổi khác cấp.

6. Thông tin được trao đổi, cung cấp giữa các bên phải bảo đảm thống nhất và tuân thủ quy định của pháp luật về trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước.

7. Những cơ quan, đơn vị được giao là đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin của mỗi bên quy định tại Điều 27 Thông tư liên tịch này phải bố trí lực lượng, phương tiện để bảo đảm cho việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các bên được thông suốt và kịp thời.

Điều 23. Nội dung cung cấp thông tin

1. Bộ Tài chính cung cấp cho Cổng thông tin một cửa quốc gia thông tin sau:

a) Các chứng từ điện tử đối với thủ tục hành chính của Bộ Tài chính quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Kết quả xử lý khác của cơ quan hải quan đối với thủ tục hành chính;

c) Thông tin liên quan tới hàng hóa đã được thông quan, giải phóng theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp cho Cổng thông tin một cửa quốc gia thông tin sau:

a) Các chứng từ điện tử đối với thủ tục hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tại khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Kết quả xử lý khác của cơ quan xử lý thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đối với thủ tục hành chính.

Điều 24. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin

Việc trao đổi, cung cấp thông tin được thực hiện trực tuyến dưới hình thức chứng từ điện tử theo quy định. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia là đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc lỗi kỹ thuật hoặc hệ thống chưa có chức năng trao đổi, cung cấp thông tin dẫn đến không thể thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin bằng hệ thống điện tử thì các bên liên quan có thể tạm thời sử dụng hình thức khác như email, fax,... hoặc chứng từ giấy để thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin.

Điều 25. Kỳ thống kê thông tin và thời hạn thực hiện việc trao đổi, cung cấp thông tin

Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm cung cấp đến các đơn vị đầu mối quy định tại Điều 27 Thông tư liên tịch này những thông tin sau:

1. Thông tin hàng tháng: Thống kê thông tin, số liệu tính từ ngày đầu tháng đến ngày cuối tháng, cung cấp chậm nhất vào ngày 20 tháng sau.

2. Thông tin cả năm: Thống kê thông tin, số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12, cung cấp chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 năm sau.

3. Thông tin đột xuất: Trong trường hợp Quốc hội, Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Thư ký ASEAN hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác yêu cầu báo cáo đột xuất thì Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia chủ động cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Điều 26. Quản lý, sử dụng thông tin

1. Bộ Tài chính cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông mã số truy cập và mật khẩu để khai thác thông tin từ Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn. Các cơ quan có trách nhiệm bảo mật mã số, mật khẩu được cung cấp; sử dụng đúng các quyền hạn đã đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia khi yêu cầu cấp tài khoản.

2. Ngoài Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính có trách nhiệm chia sẻ thông tin cho các cơ quan, người có thẩm quyền để sử dụng, khai thác thông tin từ Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trong trường hợp Bộ Tài chính sử dụng các thông tin liên quan tới phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để gửi cơ quan, người có thẩm quyền thì phải được sự chấp thuận của Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi cung cấp chính thức cho các cơ quan, người có thẩm quyền sử dụng. Việc cung cấp thông tin phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thông tin kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Điều 27. Đơn vị đầu mối thực hiện việc cung cấp, trao đổi thông tin

1. Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phân công đơn vị đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa trong phạm vi quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Các đơn vị là đầu mối quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm phân công cụ thể lãnh đạo đơn vị và bộ phận chức năng thực hiện các nhiệm vụ về trao đổi, cung cấp, quản lý thông tin, mở và đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia hộp thư điện tử, số fax, số điện thoại, địa chỉ để phối hợp.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2016.

2. Mọi phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị đầu mối phải kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông để giải quyết.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện đúng các quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Đảm bảo các điều kiện để các thủ tục hành chính được thực hiện thông suốt và đúng thời hạn.

3. Công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của mỗi Bộ trong đó xác định cụ thể số lượng, thành phần, loại chứng từ (chứng từ điện tử, chứng từ giấy được chuyển đổi sang dạng điện tử, chứng từ giấy) trong hồ sơ hành chính một cửa.

4. Đảm bảo tính chính xác, kịp thời, an toàn, bí mật các thông tin được trao đổi và cung cấp theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Theo thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm ban hành, công bố, cập nhật danh mục thủ tục hành chính được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Thành Hưng	**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Website: Chính phủ, BTC, BTTTT, TCHQ;
- Lưu: VT, BTC (TCHQ), BTTTT (Cục VT)(332b).

Phụ lục 1: DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 80/2016/TTLT-BTC-BTTTT ngày13 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông)

1. Các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Tài chính gồm các thủ tục hải quan điện tử đối với:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài;

c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu;

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất;

đ) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư;

e) Hàng hóa kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất;

f) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ;

g) Hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại;

h) Hàng hóa đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả;

i) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu;

k) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

l) Hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan.

2. Các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện;

b) Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

Phụ lục 2: DANH MỤC CÁC CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 80/2016/TTLT-BTC-BTTTT ngày13 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông)

1. Các chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hành chính một cửa của Bộ Tài chính gồm:

a) Tờ khai hải quan điện tử;

b) Quyết định thông quan, giải phóng hàng hoặc đưa hàng hóa về bảo quản.

2. Các chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hành chính một cửa của Bộ Thông tin và Truyền thông gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện; Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện; Giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện;

b) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

3. Thông báo tiếp nhận (chấp nhận/từ chối/yêu cầu sửa đổi, bổ sung) thông tin khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Phụ lục 3: MẪU ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG TRÊN CỔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 80/2016/TTLT-BTC-BTTTT ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông)

Mẫu I – Chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người khai đã có tài khoản tại các hệ thống xử lý chuyên ngành

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc	Lặp lại
I	**Thông tin chung**		
1	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X	
2	Tên người đại diện	X	
3	Địa chỉ tổ chức	X	
4	Email	X	
5	Mã số thuế của tổ chức	X	
6	Lĩnh vực hoạt động	X	
II	**Thông tin tài khoản lựa chọn để sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia**		
1	Tên tài khoản truy cập	X	
2	Đơn vị cấp tài khoản	X	
II	**Thông tin chữ ký số**		
1	Số định danh chứng thư số		X
2	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số		X
3	Tên người được cấp chứng thư số		X
4	Ngày hiệu lực		X
5	Ngày hết hiệu lực		X
6	Khóa công khai		X

Mẫu II – Chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người khai cấp tài khoản mới

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc	Lặp lại
I	**Thông tin chung**		
1	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X	
2	Tên tổ chức (Tiếng Anh)		
3	Tên viết tắt		
4	Năm thành lập	X	

5	Địa chỉ tổ chức	X	
6	Website		
7	Điện thoại	X	
8	Fax		
9	Số đăng ký kinh doanh	X	
10	Mã số thuế của tổ chức	X	
11	Lĩnh vực hoạt động	X	
12	Giấy phép kinh doanh (dạng file ảnh)	X	
II	**Thông tin người đại diện theo pháp luật**		
1	Họ và tên	X	
2	Điện thoại	X	
3	Di động	X	
4	Email	X	
II	**Thông tin chữ ký số**		
1	Số định danh chứng thư số		X
2	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số		X
3	Tên người được cấp chứng thư số		X
4	Ngày hiệu lực		X
5	Ngày hết hiệu lực		X
6	Khóa công khai		X